

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại
Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh****GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ NGHỆ AN**

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 11/7/2016 về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Sở Y tế tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị định 109/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Số 21/ 2017/TT- BYT của Bộ Y tế ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Theo đề nghị Trưởng phòng Nghiệp Vụ Y, Sở Y tế Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh: 76 kỹ thuật (Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt bổ sung, là cơ sở để đơn vị thực hiện và cơ quan Bảo hiểm xã hội Nghệ An thanh toán khám, chữa bệnh và chuyển tuyến cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao cho phòng Nghiệp Vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các ông (bà) trưởng các phòng ban Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, NVY.

KT.GIÁM ĐỐC**PHÓ GIÁM ĐỐC****Nguyễn Hữu Lê**

**Phụ lục: Danh mục chuyên môn kỹ thuật phê duyệt bổ sung thực hiện tại Bệnh viện đa
khoa thành phố Vinh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1243~~ /QĐ-SYT ngày ~~18~~ /7/2022 của Sở Y tế Nghệ An)

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN				
		2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64-128 dãy				
1	165	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
2	166	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
3	167	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
4	168	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
5	169	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
6	170	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
7	171	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
8	172	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
9	173	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
10	174	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
11	175	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
12	176	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
13	177	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
		5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64-128 dãy				
14	200	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
15	201	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
16	202	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
17	203	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
18	204	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
19	205	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
20	206	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
21	207	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
22	208	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
		8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64-128 dãy				

ĐA X.H.C.N

SỞ Y T

ĐINH NGHỆ

23	231	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x		
24	232	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x		
25	233	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x		
26	234	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
27	235	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
28	236	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
29	237	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
30	238	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
31	239	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
32	240	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
33	241	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
34	242	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
		11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64-128 dãy				
35	268	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
36	269	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
37	270	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
38	271	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
39	272	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
40	273	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
41	274	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
42	275	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
43	276	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
44	277	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		

45	278	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
46	279	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		
47	280	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
48	281	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
		D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)				
		5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T				
49	347	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu	x	x		
50	348	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực	x	x		
51	349	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x		
52	350	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x		
53	351	Chụp cộng hưởng từ tăng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
54	352	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
55	353	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
56	354	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
57	355	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
58	356	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
59	357	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản	x	x		
60	358	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
61	359	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
62	360	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
63	361	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
		6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T				
64	362	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		
65	363	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản	x	x		
66	364	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
67	365	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		
		Chụp CHT máy từ lực ≥ 1.5 Tesla				
68	694	Chụp cộng hưởng từ tim sử dụng chất gắng sức đánh giá tưới máu cơ tim có tiêm thuốc tương phản	x	x		
69	695	Chụp cộng hưởng từ bệnh lý cơ tim có tiêm thuốc tương phản	x	x		

70	696	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý van tim (nếu có tiêm thuốc)	x	x		
71	697	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các khối u tim có tiêm thuốc tương phản	x	x		
72	698	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý tim bẩm sinh có tiêm thuốc tương phản	x	x		
73	699	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các bệnh lý tim bẩm sinh	x	x		
74	700	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá quá tải sắt	x	x		
75	701	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
76	702	Cộng hưởng từ phổ tim	x	x		

SỞ Y TẾ NGHỆ AN